

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án nâng cao
năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Đắk Nông năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc phê duyệt Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 47/KH-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 73/TTr-SKH ngày 24/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Đắk Nông năm 2020, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu:

- Tiếp tục tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, thân thiện, thông thoáng và minh bạch; tạo thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; tạo động lực, đột phá về thu hút đầu tư vào tỉnh;

- Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Cải thiện điểm số và chỉ số PCI của tỉnh, phấn đấu đưa chỉ số PCI của tỉnh ở nhóm trung bình khá cả nước; phấn đấu trong năm 2020 tăng 3 bậc trở lên so với năm 2019.



2. Giải pháp chỉ đạo, điều hành:

- Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành và địa phương tập trung bám sát các chỉ đạo điều hành của Chính phủ về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, cải cách thủ tục hành chính và chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp gắn với nhiệm vụ công tác hàng năm của cơ quan, đơn vị.

- Thông qua việc cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để xem xét đánh giá chất lượng quản lý điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước, đánh giá công tác cải cách thủ tục hành chính, chất lượng đội ngũ cán bộ nhằm xây dựng nền công vụ và đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong thời gian tới. Đưa tiêu chí này vào đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức được giao phụ trách triển khai.

- Người đứng đầu các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về thứ hạng các chỉ tiêu trong các chỉ số thành phần PCI thuộc trách nhiệm cơ quan mình được giao.

3. Nhiệm vụ:

- UBND tỉnh giao trách nhiệm cải thiện các chỉ tiêu trong các chỉ số thành phần PCI cho các đơn vị tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

- Tổ giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch nâng cao chỉ số PCI của tỉnh có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Quyết định này của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan; báo cáo kết quả theo dõi về Sở Nội vụ để đưa vào nội dung đánh giá kết quả nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo; định kỳ hằng Quý gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình UBND tỉnh.

4. Khen thưởng, kỷ luật:

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh nếu chỉ tiêu được giao chủ trì bị giảm điểm; đồng thời, đề nghị UBND tỉnh xử lý trách nhiệm đối với các đơn vị có liên quan nếu không thực hiện tốt việc phối hợp, làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện chung (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ để tổng hợp).

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất UBND tỉnh khen thưởng cho các đơn vị được giao thực hiện các chỉ tiêu có điểm cao hơn kế hoạch mục tiêu đề ra và xử lý trách nhiệm đối với các đơn vị thực hiện chưa tốt.



Điều 2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố căn cứ nhiệm vụ được giao xây dựng Kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện.

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện Quyết định này, định kỳ hằng Quý báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- VCCI, VCCI chi nhánh Đà Nẵng;
- Thành viên Ban Chỉ đạo PCI;
- Ngân hàng Nhà nước CN tỉnh;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Cục Quản lý thị trường tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Hội Doanh nhân trẻ tỉnh;
- Cty Điện lực Đắk Nông;
- Cty CP CN&PTĐT Đắk Nông;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Các phòng chuyên môn thuộc VP;
- Lưu: VT, KTKH ©.

28

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Xuân Hải



PHỤ LỤC
NHIỆM VỤ VÀ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2020 TỈNH ĐẮK NÔNG
(Kèm theo Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT/Mã hiệu chỉ số	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách/thực hiện	Năm 2019			Kế hoạch 2020	Giải pháp/nhiệm vụ
			KH	KQ	Trung vị		
1	CSTP 1: Gia nhập thị trường - Sở KH&ĐT làm đầu mối (trọng số 5%)		7,0	6,76	7,24	7,24	
1.1	Số ngày đăng ký doanh nghiệp (trung vị)	Sở KH&ĐT	5	5	5	<4	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục rà soát bộ thủ tục hành chính, các giấy phép con của các đơn vị có liên quan trực tiếp đến quá trình hoạt động của doanh nghiệp, qua đó thống nhất đề xuất cắt giảm thủ tục giấy phép con (nếu có), thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của các Sở ngành. - Chủ trì đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến và thông qua dịch vụ bưu chính công ích; chủ động thông tin đến nhà đầu tư về các chính sách thu hút đầu tư, thủ tục hành chính và tiếp nhận khó khăn, vướng mắc thông qua việc sử dụng các ứng dụng mạng xã hội zalo, facebook. <p>Văn phòng UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn cho cán bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục về: đạo đức công vụ, kỹ năng giao tiếp, thủ tục hành chính (một cán bộ có thể hiểu rõ nhiều thủ tục để có thể hướng dẫn, giải đáp người dân và doanh nghiệp khi có yêu cầu) - Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương rà soát thông tin, liên kết trang thông tin điện tử của tỉnh và trang thông tin của các đơn vị để có thống nhất công khai về thủ tục hành chính.
1.2	Số ngày thay đổi ĐKDN (trung vị)	Sở KH&ĐT	5	4,5	4	<4	
1.3	Phải chờ hơn 1 tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (% DN)	Sở KH&ĐT	<24%	24%	17%	<20%	
1.4	Phải chờ hơn 3 tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (% DN)	Sở KH&ĐT	<15%	3%	3%	<3%	
1.5	Tỉ lệ DN làm thủ tục ĐKDN qua phương thức mới (trực tuyến, TTHCC, bưu điện) (%)	Sở KH&ĐT	>20%	57%	41%	>60%	
1.6	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Thủ tục được niêm yết công khai (%)	VP UBND tỉnh	>80%	52%	75%	>60%	
1.7	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ (%)	Sở KH&ĐT	>80%	84%	79%	>84%	
1.8	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ am hiểu chuyên môn (%)	Sở KH&ĐT	>47%	36%	63%	>50%	
1.9	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ nhiệt tình, thân thiện (%)	Sở KH&ĐT	>68%	61%	74%	>65%	

STT/Mã hiệu chỉ số	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách/ thực hiện	Năm 2019			Kế hoạch 2020	Giải pháp/ nhiệm vụ
			KH	KQ	Trung vị		
1.10	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Ứng dụng CNTT tốt (%)	Sở KH&ĐT	>25%	25%	37%	>30%	- Thực hiện nghiêm việc đánh giá sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với viên chức tiếp nhận hồ sơ, qua đó có sự phân loại, đánh giá phù hợp, kiên quyết thay thế những cán bộ năng lực yếu, không có đạo đức công vụ.
2	CSTP 2: Tiếp cận đất đai - Sở TN và MT làm đầu mối (trọng số 5%)		7,0	7,57	6,94	7,6	
2.1	Tỉ lệ DN có mặt bằng kinh doanh và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (%)	Sở TN&MT	>46%	59%	48%	>59%	Sở Tài nguyên và Môi trường: - Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định pháp luật về quản lý, khai thác và sử dụng tiết kiệm có hiệu quả tài nguyên, đất đai vừa đảm bảo chặt chẽ theo quy hoạch được phê duyệt song cũng có độ mở linh hoạt trong cả giai đoạn khi có cơ hội thu hút đầu tư.
2.2	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	Sở TN&MT	<25 ngày làm việc	30	30	<25	- Tiếp tục rà soát, cải tiến các thủ tục và quy trình giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến giao đất, cho thuê đất, giải quyết kịp thời các vướng mắc của doanh nghiệp liên quan đến đất đai, tài nguyên, môi trường.
2.3	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất cao; 5=Rất thấp)	Sở TN&MT	>1.64	1,35	1,58	>1,58	- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, Thành phố, Hiệp hội doanh nghiệp và các đơn vị liên quan tạo quỹ đất sạch của tỉnh và của từng địa phương phù hợp với từng đối tượng thu hút đầu tư (quỹ đất sạch đã đáp ứng đủ các tiêu chí về tác động môi trường, xã hội, an ninh trật tự ...)
2.4	DN không gặp cản trở về tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh (%)	Sở TN&MT	<49%	51%	45%	<50%	- Công khai hóa quỹ đất chưa sử dụng, đất chưa cho thuê, cho thuê lại tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, quỹ đất được Nhà nước giao, cho thuê nhưng chậm đưa vào sử dụng nhằm tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận đất đai.
2.5	Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)	Sở TN&MT	<21%	35%	19%	<35%	- Chủ trọng công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nói chung và quy hoạch khai thác tạo quỹ đất sạch nói riêng, cần nhắc xác định vị trí tiềm năng để tạo quỹ đất sạch.
2.6	Giải phóng mặt bằng chậm (%)	Sở TN&MT	<17%	17%	17%	<17%	
2.7	Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng (%)	Sở TN&MT	<23%	38%	33%	<38%	
.8	Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% luôn luôn/nhiều khả năng)	Sở TN&MT	>28%	43%	31%	>43%	
2.9	Thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	Sở TN&MT	>73%	75%	79%	>75%	

STT/Mã hiệu chỉ số	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách/ thực hiện	Năm 2019			Kế hoạch 2020	Giải pháp/ nhiệm vụ
			KH	KQ	Trung vị		
2.10	DN thực hiện TTHC đất đai trong vòng 2 năm qua không gặp khó khăn (%)	Sở TN&MT	>30%	68%	39%	>68%	<ul style="list-style-type: none"> Quá trình kêu gọi đầu tư cần có sự đánh giá khách quan, chính xác về tiềm lực tài chính của nhà đầu tư. Đồng thời, quá trình thực hiện dự án khai thác quỹ đất sạch từ giai đoạn đấu giá giao đất, cho thuê đất đến quá trình triển khai dự án cần được công khai các thông tin để theo dõi, kịp thời thúc đẩy tiến độ dự án, đánh giá hiệu quả dự án và ngăn chặn tình trạng không đầu tư dự án gây lãng phí quỹ đất. Đề xuất tham mưu UBND tỉnh bố trí trích từ 20% đến 30% từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuế đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh (sau khi trừ các khoản chi phí để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan khác) vào Quỹ phát triển đất để ứng vốn thực hiện dự án khai thác quỹ đất sạch.
2.11	Không có GCNQSDĐ do lo ngại TTHC rườm rà/cán bộ nhũng nhiễu (%)	Sở TN&MT	<7%	14%	11%	<7%	<p>UBND các huyện, thành phố:</p> <ul style="list-style-type: none"> Công khai, minh bạch và chủ động thông tin đến người dân và doanh nghiệp thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các thủ tục hành chính liên quan; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư. Rà soát, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng đất của doanh nghiệp, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, tham mưu cấp có thẩm quyền thu hồi đất đã cấp nhưng sử dụng không đúng mục đích. Thực hiện kết nối điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bộ phận một cửa – văn phòng đăng ký đất đai – cơ quan thuế để giảm thời gian đi lại và tạo điều kiện cho người dân giám sát thủ tục.
3	CSTP 3: Tính Minh bạch - Sở Thông tin và Truyền thông làm đầu mối (trọng số 20%)		7,0	6,50	6,64	7,0	
3.1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ)	Sở KH&ĐT	>2.45	2,64	2,5	>2.64	<p>Sở Thông tin và Truyền thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thường xuyên kiểm tra, theo dõi hoạt động trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành và UBND

STT/Mã hiệu chi số	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách/ thực hiện	Năm 2019			Kế hoạch 2020	Giải pháp/ nhiệm vụ
			KH	KQ	Trung vị		
3.2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thể, 5=Rất dễ)	Sở Tư pháp	2,99	3,16	3,08	>3,16	các huyện, thành phố; cơ quan báo, đài địa phương và Trung ương thường trú tại địa phương nhằm công khai, minh bạch, cung cấp kịp thời thông tin về cơ chế chính sách, thủ tục hành chính tới nhà đầu tư, doanh nghiệp và người dân. - Tăng cường số lượng, thời lượng các chuyên mục tuyên truyền về chính sách, pháp luật của nhà nước đến người dân và cộng đồng doanh nghiệp; đồng thời xây dựng cơ chế chia sẻ các thông tin này qua ứng dụng mạng xã hội. - Tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu tiếp cận thông tin, giao dịch trực tuyến của doanh nghiệp và đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đối với mức độ cải thiện Chỉ số minh bạch và tiếp cận thông tin của tỉnh hàng năm - Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh các nhiệm vụ, giải pháp để đẩy nhanh triển khai mô hình chính quyền điện tử.
3.3	Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (%)	Sở Tài chính	96%	75%	88%	>85%	
3.4	Thông tin mời thầu được công khai (%)	Sở KH&ĐT	>50%	33%	43%	>43%	
3.5	Tỉ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị CQNN của tỉnh cung cấp (%)	Sở TT&TT	>71%	67%	65%	>71%	
3.6	Số ngày để nhận được thông tin, văn bản sau khi đã đề nghị cung cấp (trung vị)	Sở TT&TT	2	3,00	3	<2	Cục thuế tỉnh: - Tiếp tục công khai cơ sở dữ liệu về hoàn thuế, thực hiện nghiêm túc việc niêm yết nội dung, địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính và niêm yết công khai thủ tục hành chính của ngành thuế. - Nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật, đạo đức công vụ cán bộ, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ liên quan đến người dân, doanh nghiệp; có biện pháp chấn chỉnh đối với cán bộ nếu phát hiện hành vi thương lượng trong thực hiện nghĩa vụ thuế đối với ngân sách nhà nước.
3.7	Cần có 'mối quan hệ' để có được các tài liệu của tỉnh (%)	Sở TT&TT	<69%	55%	60%	<55%	Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh: - Nâng cao vai trò, góp ý xây dựng, phân biện cơ chế, chính sách của tỉnh liên quan doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh; tham gia xây dựng các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, tư vấn,
3.8	'Thỏa thuận' khoản thuế phải nộp với CB thuế là công việc quan trọng(%)	Cục Thuế tỉnh	<53%	55%	47%	<55%	

STT/Mã hiệu chỉ số	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách/ thực hiện	Năm 2019			Kế hoạch 2020	Giải pháp/ nhiệm vụ
			KH	KQ	Trung vị		
3.9	Dự liệu được việc thực thi của tỉnh đối với QĐPL của TW (% chắc chắn)	Sở Tư pháp	>5%	7%	7%	>7%	<p>cung cấp dịch vụ công....:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tốt vai trò cầu nối của chính quyền với doanh nghiệp trong việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách của tỉnh; đồng thời chủ động phản hồi tiếng nói của doanh nghiệp đến chính quyền địa phương để tạo lập môi trường kinh doanh, đầu tư tốt nhất. <p>Sở Kế hoạch và Đầu tư/VP UBND tỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung và công khai kịp thời các cơ chế, chính sách, các quy hoạch, kế hoạch của tỉnh, địa phương và của ngành trên trang thông tin điện tử của Cổng thông tin điện tử tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư và Trung tâm Xúc tiến đầu tư.
3.10	HHDN có vai trò quan trọng trong việc xây dựng chính sách, quy định của tỉnh	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	>52%	53%	46%	>53%	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh trong việc công khai các chính sách hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp tỉnh, công khai các kết quả, kết luận xử lý các khiếu nại, ý kiến của doanh nghiệp trên các phương tiện truyền thông và báo chí.
3.11	Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh	VP UBND tỉnh	>35.5	34,00	35,25	>35.5	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động cung cấp thông tin cho doanh nghiệp khi doanh nghiệp có yêu cầu, kiến nghị. Đối thoại, gặp gỡ trao đổi, nắm bắt tình hình hoạt động, các khó khăn vướng mắc để kịp thời hỗ trợ, giải quyết. <p>Sở Tài chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công khai kịp thời các thông tin về thu – chi ngân sách sau khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng.
3.12	Tỉ lệ DN truy cập vào website của tỉnh (%)	VP UBND tỉnh	>71%	81%	84%	>82%	<p>Chủ đầu tư là các cơ quan nhà nước của tỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên tập tóm lược thông tin các dự án công trình kêu gọi đầu tư, các kế hoạch đầu tư, phê duyệt kết quả trúng thầu gửi Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; đồng thời, cập nhật trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; tăng dần tỷ lệ đầu thầu quan mạng tạo môi trường thông thoáng, cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

STT/Mã hiệu chỉ số	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách/ thực hiện	Năm 2019			Kế hoạch 2020	Giải pháp/ nhiệm vụ
			KH	KQ	Trung vị		
4	CSTP 4: Chi phí thời gian - Sở Nội vụ làm đầu mối (trọng số 5%)		7,0	6,74	6,87	7,0	
4.1	Tỉ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện QĐPL	Sở Tư pháp	<32%	29%	30%	<29%	Sở Tư pháp: - Phát triển đội ngũ quản tài viên, trọng tài và luật sư, nhất là luật sư chuyên sâu về kinh tế và thương mại trên địa bàn tỉnh tham gia hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.
4.2	CBCC giải quyết công việc hiệu quả (%)	Sở Nội vụ	>70%	78%	81%	>81%	- Tăng cường tổ chức các hoạt động hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp kịp thời, hiệu quả.
4.3	CBCC thân thiện (%)	Sở Nội vụ	>67%	77%	74%	>77%	- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giúp doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả, phòng chống rủi ro pháp lý, góp phần nâng cao công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với doanh nghiệp.
4.4	DN không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục (%)	VP UBND tỉnh	>57%	63%	63%	>63%	Sở Nội vụ: - Hướng dẫn, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện công tác luân chuyển cán bộ tại các Sở, ngành, địa phương nhất là những vị trí thường xuyên tiếp xúc với doanh nghiệp.
4.5	Thủ tục giấy tờ đơn giản (%)	VP UBND tỉnh	>55%	57%	60%	>60%	- Văn phòng UBND tỉnh: Tiếp tục rà soát, cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết; triển khai nâng cấp các thủ tục hành chính lên mức độ cao hơn về dịch vụ công trực tuyến.
4.6	Phí, lệ phí được niêm yết công khai (%)	VP UBND tỉnh	>90%	94%	94%	>94%	Thanh tra tỉnh: - Công khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm để doanh nghiệp biết và chuẩn bị nội dung.
4.7	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định(%)	VP UBND tỉnh	69%	73%	73%	>73%	- Phối hợp với Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra thuế và các đoàn kiểm tra các ngành liên quan rà soát, thống nhất phối hợp chỉ tiến hành thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp nhiều nhất là 01 lần/năm.
4.8	Tỉ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm (%)	Thanh tra tỉnh	<5%	5%	6%	<3%	- Tuân thủ đúng thời gian, thời hạn thanh tra, không
4.9	Nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	Thanh tra tỉnh	<13%	11%	11%	<11%	

STT/Mã hiệu chỉ số	Chi tiêu	Cơ quan phụ trách/ thực hiện	Năm 2019			Kế hoạch 2020	Giải pháp/ nhiệm vụ
			KH	KQ	Trung vị		
4.10	Số giờ trung vị cho mỗi cuộc làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	Cục Thuế tỉnh	<7h	15,5	19,5	<7h	<p>làm ảnh hưởng đến hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp trong quá trình làm việc với Đoàn thanh tra.</p> <p>- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tiếp tục thực hiện việc rà soát, xử lý chồng chéo chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm của các cơ quan chức năng chuyên ngành đối với các doanh nghiệp; đảm bảo tuân thủ đúng thời gian, nội dung, đối tượng thanh tra, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.</p>
4.11	Thanh, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều DN(%)	Thanh tra tỉnh	<20%	25%	15%	<20%	
5	CSTP 5: Chi phí không chính thức - Thanh tra tỉnh làm đầu mối (trọng số 10%)		5,31	5,82	6,2	6,2	<p>Thanh tra tỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công khai kết luận thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh và các đơn vị; Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố: - Thực hiện chế độ giám sát, kiểm tra và xử lý nghiêm khắc các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà đối với nhân dân và các nhà đầu tư, kinh doanh để tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thực sự minh bạch và hiệu quả trong công tác giải quyết thủ tục hành chính và công tác chuyên môn của Sở, ngành, địa phương. - Tăng cường nâng cao chất lượng cán bộ công chức, đạo đức công vụ, thường xuyên kiểm tra công vụ, nhất là những nội dung liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, nhà đầu tư. - Đưa nội dung kiểm tra thực hiện Chi thị số 47/CT-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh công tác đầu thầu trong các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường
5.1	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản CPKCT (% Đồng ý)	Thanh tra tỉnh	<55%	57%	54%	<55%	
5.2	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi trả CPKCT (% luôn luôn / hầu hết)	Thanh tra tỉnh	>62%	65%	61%	>65%	
5.3	Tình trạng những nhiều khi giải quyết TTHC cho DN là phổ biến (% Đồng ý)	Thanh tra tỉnh	<60%	58%	54%	58%	
5.4	Các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	Thanh tra tỉnh	>82%	82%	83%	>82%	
5.5	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	Thanh tra tỉnh	<45%	50%	39%	<45%	
5.6	Tỉ lệ DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại CPKCT (%)	Thanh tra tỉnh	<7%	7%	8%	<7%	
5.7	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đất đai(%)	Sở TN&MT	<32%	14%	36%	<14%	

STT/Mã hiệu chỉ số	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách/ thực hiện	Năm 2019			Kế hoạch 2020	Giải pháp/ nhiệm vụ
			KH	KQ	Trung vị		
5.8	Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (% Đồng ý)	Sở KH&ĐT	<50%	55%	41%	<50%	xuyên sử dụng vốn nhà nước đối với các chủ đầu tư, bên mời thầu.
5.9	DN lo ngại tình trạng 'chạy án' là phổ biến (%)	Tòa án nhân dân	<50%	31%	22%	<22%	
6	CSTP 6: Cạnh tranh bình đẳng- Sở KH&ĐT làm đầu mối (trọng số 5%)		6,15	6,69	6,35	6,7	
6.1	Việc tinh ưu ái cho các DNNN gây khó khăn cho DN" (% Đồng ý)	Sở KH&ĐT	<39%	28%	31%	<28%	<ul style="list-style-type: none"> - Các đơn vị được giao phụ trách các chỉ tiêu như: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài nguyên và Môi trường; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh; Cục Thuế tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh và các Sở, ngành, địa phương: - Công khai minh bạch các thông tin về quy hoạch, kế hoạch, đấu thầu, dự án đầu tư và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp trên Trang thông tin điện tử của từng đơn vị và Công thông tin điện. - Tăng dần tỷ lệ hồ sơ lựa chọn nhà thầu qua mạng, đảm bảo tính cạnh tranh và công bằng trong lựa chọn nhà thầu. - Rà soát, cải tiến các thủ tục và quy trình giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến đất đai, môi trường, thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư, chủ trương đầu tư, thủ tục tiếp cận tin dụng, thuế ...
6.2	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	Sở TN&MT	<30%	21%	24%	<21%	
6.3	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay (% Đồng ý)	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	<29%	23%	23%	<23%	
6.4	DNNN thuận lợi hơn trong cấp phép khai thác khoáng sản (% Đồng ý)	Sở TN&MT	<19%	18%	15%	<15%	
6.5	DNNN thuận lợi hơn trong việc thực hiện các TTHC (% Đồng ý)	VP UBND tỉnh	<25%	17%	20%	<17%	
6.6	DNNN thuận lợi hơn trong việc có được các hợp đồng từ CQNN (% Đồng ý)	Sở KH&ĐT	<23%	19%	21%	<19%	
6.7	DN FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn DN dân doanh (% Đồng ý)	Sở KH&ĐT	<44%	40%	41%	<40%	
6.8	Tình ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực tư nhân (% Đồng ý)	Sở KH&ĐT	<33%	26%	35%	<26%	
6.9	DN FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	Sở TN&MT	<20%	19%	22%	<19%	
6.10	DN FDI có đặc quyền trong miễn/giảm thuế TNDN(% Đồng ý)	Cục Thuế tỉnh	<14%	15%	18%	<14%	
6.11	DN FDI thuận lợi hơn trong thực hiện các TTHC (% Đồng ý)	Sở KH&ĐT	<19%	9%	18%	<9%	
6.12	DN FDI trong hoạt động nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn(% Đồng ý)	Sở KH&ĐT	<23%	15%	22%	<15%	
6.13	Nguồn lực kinh doanh (hợp đồng, đất đai...) chủ yếu rơi vào DN thân quen CBCQ	Sở KH&ĐT	<64%	71%	63%	<64%	

STT/Mã hiệu chỉ số	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách/ thực hiện	Năm 2019			Kế hoạch 2020	Giải pháp/ nhiệm vụ
			KH	KQ	Trung vị		
6.14	Ưu đãi DN lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho bản thân DN (% Đồng ý)	Sở KH&ĐT	<44%	47%	51%	<44%	
7	CSTP 7: Tính năng động – Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối (trọng số 5%)		6,0	5,54	6,26	6,0	
7.1	UBND tỉnh vận dụng pháp luật linh hoạt nhằm tạo MTKD thuận lợi cho KTTN (%)	Sở KH&ĐT	>74%	71%	80%	>74%	
7.2	UBND tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề mới phát sinh (%)	Sở KH&ĐT	>69%	53%	66%	>66%	
7.3	Thái độ của chính quyền tỉnh với khu vực KTTN là tích cực (%)	Sở KH&ĐT	>46%	37%	54%	>46%	
7.4	Có sáng kiến hay ở cấp tỉnh, nhưng chưa được thực thi tốt ở các sở/ngành (%)	Sở, ban, ngành	<80%	70%	76%	<80%	
7.5	Lãnh đạo tỉnh có chủ trương đúng, nhưng chưa được thực hiện tốt ở cấp huyện/thị	UBND các huyện, thị xã	<59%	55%	56%	<55%	
7.6	Khi CS, PL TW có điểm chưa rõ, CQ tỉnh thường 'đợi xin ý kiến chỉ đạo' hoặc 'không	VP UBND tỉnh	<17%	26%	26%	<17%	

Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Tham mưu xây dựng điển hình dẫn đầu chính sách thường kỳ của Lãnh đạo tỉnh với các đại diện của cộng đồng doanh nghiệp như: Hiệp hội doanh nghiệp, Hội doanh nhân trẻ, Liên minh hợp tác xã để thông tin đến doanh nghiệp, nhà đầu tư về các cơ chế, chính sách của tỉnh; đồng thời cũng tiếp nhận những phản hồi từ phía doanh nghiệp, nhà đầu tư để chỉ đạo điều chỉnh chính sách cho phù hợp;

- Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm đối tác thương mại nhằm tìm cơ hội đầu tư phát triển thị trường cho các doanh nghiệp trong tỉnh; đồng thời kêu gọi các nhà đầu tư nơi khác đến với tỉnh.

- Chủ động tạo và điều phối kênh thông tin đối thoại hai chiều giữa các cơ quan quản nhà nước tại địa phương với nhà đầu tư nhằm kịp thời giải đáp, xử lý các vướng mắc liên quan đến từng dự án.

- Lựa chọn cán bộ có năng lực tại các phòng, ban chuyên môn tham gia hỗ trợ nhà đầu tư từ khi nộp thủ tục đăng ký đầu tư đến khi dự án chính thức đi vào hoạt động.

Sở Nội vụ:

- Tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn việc thành lập các tổ chức hội nghề nghiệp, các tổ chức đại diện cho các doanh nghiệp tại cấp huyện, Thành phố.

Văn phòng UBND tỉnh:

- Theo dõi tình hình các cơ quan, đơn vị triển khai

STT/Mã hiệu chỉ số	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách/ thực hiện	Năm 2019			Kế hoạch 2020	Giải pháp/ nhiệm vụ
			KH	KQ	Trung vị		
7.7	Vướng mắc, khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua Đối thoại DN (%)	Sở KH&ĐT	>63%	65%	74%	>70%	Thực hiện chi đạo của UBND tỉnh; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh các đơn vị trễ hạn. Lãnh đạo các Sở, ngành, địa phương: - Cần chủ động đối thoại để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, giải quyết đến kết quả cuối cùng, khả thi để thực hiện. - Nắm bắt, đề xuất các phương án xử lý những khó khăn, bất cập, những kiến nghị đề xuất của các doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình, trường hợp vượt thẩm quyền, chủ động kiến nghị UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện theo quy định. - Rà soát các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh từ đó đánh giá kết quả đạt được, khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện và đề xuất các giải pháp, chính sách mới hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.
7.8	DN nhận được phản hồi của CQNN tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc (%)	Sở KH&ĐT	>95%	94%	95%	>95%	
7.9	Tỉ lệ DN hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của CQNN tỉnh (%)	Sở KH&ĐT	>78%	76%	82%	>78%	
8	CSTP 8: Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp - Sở KHĐT làm đầu mối (trọng số 20%)		6,61	5,61	6,17	7,0	
8.1	Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm vừa qua	Sở Công Thương	>9	13	14	>9	Lãnh đạo các Sở, ngành, địa phương: - Trong điều kiện số lượng doanh nghiệp của tỉnh còn ít, nhu cầu về các dịch vụ hỗ trợ chưa khuyến khích thành phần kinh tế tư nhân tham gia; lãnh đạo các sở, ngành, địa phương cần sớm kiến toàn lại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc, nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, từng bước thực hiện cơ chế tự chủ tài chính.
8.2	Tỉ lệ DN cung cấp dịch vụ (CCDV) trên tổng số DN (%)	Sở KH&ĐT	>83%	66%	62%	>75%	
8.3	Tỉ lệ DN CCDV tư nhân và FDI trên tổng số DN CCDV (%)	Sở KH&ĐT	>25%	38%	71%	>40%	
8.4	DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (TTTT) (%)	Sở Công Thương	>50%	56%	56%	>56%	
8.5	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm TTTT (%)	Sở Công Thương	>63%	67%	62%	>67%	
8.6	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm TTTT (%)	Sở Công Thương	>86%	63%	70%	>80%	- Các Sở Tư pháp, Công Thương, Khoa học công nghệ tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp về tư vấn pháp lý, tìm kiếm thông tin, tiếp cận thị trường, đào tạo
8.7	DN từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (TVPL) (%)	Sở Tư pháp	>50%	56%	60%	>60%	

STT/Mã hiệu chỉ số	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách/ thực hiện	Năm 2019			Kế hoạch 2020	Giải pháp/ nhiệm vụ
			KH	KQ	Trung vị		
8.8	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ TVPL (%)	Sở Tư pháp	>56%	57%	50%	>57%	lao động, khoa học công nghệ phục vụ nhu cầu phát triển của doanh nghiệp.
8.9	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ TVPL (%)	Sở Tư pháp	>72%	70%	65%	>72%	- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tin học hóa toàn diện các thủ tục nhằm công khai, minh bạch hoạt động của cơ quan trên môi trường mạng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.
8.10	DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh (ĐTKD)(%)	Sở Công Thương	>54%	48%	50%	>54%	
8.11	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm ĐTKD (%)	Sở Công Thương	>82%	65%	69%	>70%	
8.12	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm ĐTKD (%)	Sở Công Thương	>68%	70%	69%	>70%	Lãnh đạo các đơn vị quản lý chuyên ngành như: Sở Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Lao động Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông ... tạo mọi điều kiện về thủ tục để các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp được hoạt động.
8.13	DN từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (XTTM) (%)	Sở Công Thương	>67%	55%	63%	>67%	
8.14	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ XTTM (%)	Sở Công Thương	>47%	35%	48%	>48%	
8.15	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ XTTM (%)	Sở Công Thương	>75%	65%	60%	>75%	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: - Nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh tăng cường bố trí kinh phí hỗ trợ hoạt động, lĩnh vực chính như: Hỗ trợ đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, chợ, trung tâm thương mại đã được đầu tư xây dựng và kinh doanh hiệu quả; Hỗ trợ các hoạt động: Khuyến công, khoa học công nghệ, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, pháp lý, giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, công nghệ thông tin...
8.16	DN từng sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	Sở KH&CN	>64%	44%	54%	>54%	
8.17	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	Sở KH&CN	>55%	25%	60%	>55%	
8.18	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	Sở KH&CN	>63%	63%	57%	>63%	
8.19	DN từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán, tài chính (KTTC)(%)	Sở KH&ĐT	>64%	50%	57%	>60%	
8.20	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về KTTC (%)	Sở KH&ĐT	>55%	56%	59%	>59%	Sở Kế hoạch và Đầu tư: tăng cường triển khai Luật hỗ trợ DNNVV; nâng cao hiệu quả các chương trình, đào tạo, tập huấn cho doanh nghiệp; nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ công cho hỗ trợ doanh nghiệp.
8.21	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về KTTC (%)	Sở KH&ĐT	>76%	50%	60%	>65%	
8.22	DN từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (QTKD) (%)	Sở KH&ĐT	>60%	46%	53%	>55%	

STT/Mã hiệu chỉ số	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách/ thực hiện	Năm 2019			Kế hoạch 2020	Giải pháp/ nhiệm vụ
			KH	KQ	Trung vị		
8.23	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về QTKD (%)	Sở KH&ĐT	>61%	54%	62%	>61%	
8.24	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về QTKD (%)	Sở KH&ĐT	>74%	62%	60%	>74%	
9	CSTP 9: Đào tạo lao động - Sở Lao động và Thương binh xã hội làm đầu mối (trọng số 20%)		5,5	5,45	6,7	6,0	
9.1	Tỉ lệ DN đánh giá Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng Tốt (%)	Sở GD&ĐT	>38%	55%	62%	>62%	Sở Lao động Thương binh và Xã hội: - Triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa về đào tạo nghề, giáo dục và hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp và xã hội. - Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh tăng cường kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để tổ chức sàn giao dịch, giới thiệu việc làm tại tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng lao động và người có nhu cầu việc làm tiếp cận giao dịch. - Thường xuyên thông báo công khai kết quả, chất lượng, ngành nghề, loại hình, số lượng lao động ở địa phương được đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng để doanh nghiệp biết tuyển dụng. - Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác tuyển sinh đào tạo nghề, trong đó cần lựa chọn những nghề mà hiện nay thị trường lao động đang có nhu cầu sử dụng.
9.2	Tỉ lệ DN đánh giá Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng Tốt (%)	Sở LĐTB&XH	>28%	32%	43%	>43%	
9.3	DN từng sử dụng dịch vụ Giới thiệu việc làm (GTVL) tại tỉnh (%)	Sở LĐTB&XH	>66%	50%	65%	>66%	
9.4	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ GTVL (%)	Sở LĐTB&XH	>70%	60%	59%	>70%	
9.5	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ GTVL (%)	Sở LĐTB&XH	>63%	53%	66%	>63%	
9.6	Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Đào tạo lao động (%)	Sở LĐTB&XH	<8%	6,70	6,3	<6,3%	- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình đào tạo dạy nghề cho người lao động và tại các

STT/Mã hiệu chỉ số	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách/ thực hiện	Năm 2019			Kế hoạch 2020	Giải pháp/ nhiệm vụ
			KH	KQ	Trung vị		
9.7	Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Tuyển dụng lao động (%)	Sở LĐT&XH	<8%	6,64	4,86	<4,86%	doanh nghiệp có nhu cầu; nâng cao chất lượng đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp, tăng chương trình đào tạo về thực hành, giám lý thuyết. - Tích hợp đưa thông tin cung, cầu lao động, thông tin thị trường lao động lên phương tiện thông tin đại chúng, trang website điện tử của Sở Lao động Thương binh và Xã hội và của Trung tâm Dịch vụ việc làm để Doanh nghiệp và người lao động dễ tiếp cận.
9.8	Lao động tại tỉnh đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN (%)	Sở LĐT&XH	>85%	88%	90%	>88%	- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, truyền thông, hướng nghiệp để nhân dân, đặc biệt là thanh niên, những người trong độ tuổi lao động và các doanh nhân nhận thức đúng về vị trí, vai trò của đào tạo nghề để thay đổi hành vi, thu hút ngày càng nhiều người học nghề; tăng cường đối thoại, trao đổi, kết nối, gắn kết giữa doanh nghiệp - cơ quan quản lý nhà nước về lao động - cơ sở giáo dục nghề nghiệp - người lao động trong công tác đào tạo, đào tạo lại và sử dụng lao động qua đào tạo.
9.9	Ti lệ lao động qua đào tạo /số lao động chưa qua đào tạo (%)	Sở LĐT&XH	>4%	3%	6%	>4%	Sở Giáo dục và Đào tạo: Tăng cường kỹ cương, nề nếp, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong các cơ sở giáo dục phổ thông; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm công dân của học sinh đối với cộng đồng, xã hội; hướng nghiệp cho học sinh cuối cấp phổ thông.
9.10	Ti lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động (%)	Sở LĐT&XH	>7%	8%	11%	>11%	
9.11	Ti lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN (%)	Sở LĐT&XH	>46%	45	53	>46%	
10	CSTP 10: Thiết chế pháp lý (trọng số 5%)		5,5	5,80	6,53	6,0	
10.1	Tin tưởng HTPL sẽ đảm bảo quyền tài sản/ thực thi hợp đồng của DN (%)	Sở Tư pháp	>80%	83%	88%	>88%	Sở Tư pháp: - Phát triển đội ngũ quản tài viên, trọng tài và luật sư, nhất là luật sư chuyên sâu về kinh tế và thương mại trên địa bàn tỉnh tham gia hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.
10.2	Hệ thống pháp luật (HTPL) có cơ chế giúp DN tố cáo cán bộ những nhiều (%)	Thanh tra tỉnh	>30%	33%	35%	>35%	- Tăng cường gặp gỡ, đối thoại với các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có nhu cầu hỗ trợ pháp lý trên địa bàn tỉnh để có những giải pháp hỗ

STT/Mã hiệu chỉ số	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách/thực hiện	Năm 2019				Kế hoạch 2020	Giải pháp/nhiệm vụ
			KH	KQ	Trung vị			
10.3	Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều DN (%)	Sở Nội vụ	>38%	39%	40%	>40%	trợ kịp thời, hiệu quả. - Triển khai và thực hiện hiệu quả các hoạt động như: đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng, chứng thực, thừa phát lại,... nhằm bảo đảm an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch. Phát triển về số lượng và chất lượng quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương; công khai thông tin đầy đủ, kịp thời về đội ngũ luật sư, quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trên địa bàn tỉnh.	
10.4	DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	Tòa án nhân dân	>45%	54%	56%	>56%	- Phối hợp với Đoàn Luật sư và các Tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn tỉnh tham gia tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp khi phát sinh yêu cầu; Phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh cung cấp thông tin, công khai, hướng dẫn thủ tục, quy trình khởi kiện, thụ lý, giải quyết các vụ việc;	
10.5	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật (%)	Tòa án nhân dân	>85%	81%	91%	>91%	- Xây dựng và đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp như: Tổ chức tuyên truyền pháp luật kết hợp với tư vấn, giải đáp cho từng nhóm doanh nghiệp cụ thể, tới từng doanh nghiệp; bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh.	
10.6	Phán quyết của Tòa án là công bằng (%)	Tòa án nhân dân	>80%	79%	87%	>82%	- Tham mưu thực hiện tốt công tác xây dựng, thẩm định, góp ý, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và pháp chế, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác. Chú trọng hoạt động phối hợp giữa các Sở, Ban, ngành và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tham mưu ban hành các chính sách, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh	
10.7	Tòa án các cấp ở tỉnh xét xử vụ việc kinh tế nhanh chóng (%)	Tòa án nhân dân	>66%	66%	72%	>72%	Cục Thi hành án: - Rút ngắn thời gian, nâng cao hiệu quả công tác thi	
10.8	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (%)	Cục thi hành án	>66%	67%	76%	>80%		
10.9	Các CQ trợ giúp pháp lý tại tỉnh hỗ trợ DN nhanh chóng để khởi kiện (%)	Sở Tư pháp	>70%	77%	78%	>77%		
10.10	Các chi phí chính thức và CPKCT là chấp nhận được khi GQTC qua Tòa án (%)	Thanh tra tỉnh	>73%	78%	83%	>78%		
10.11	Số lượng vụ việc tranh chấp của DN dân doanh do Tòa án thụ lý/100 DN	Tòa án nhân dân	>1.15	2,72	1,82	>2,72		
10.12	Tỉ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh/tổng số nguyên đơn tại Toà án tỉnh (%)	Tòa án nhân dân	>80%	80%	86%	>86%		

STT/Mã hiệu chỉ số	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách/ thực hiện	Năm 2019			Kế hoạch 2020	Giải pháp/ nhiệm vụ
			KH	KQ	Trung vị		
10.13	Ti lệ vụ việc kinh tế đã được giải quyết trong năm (%)	Tòa án nhân dân	>75%	71%	63%	>75%	hành án theo yêu cầu của Nghị quyết 42/2017QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội; hỗ trợ hoạt động của tòa án, cơ quan thi hành án, thừa phát lại, luật sư. Tòa án nhân dân tỉnh: - Rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng, thời gian giải quyết phá sản doanh nghiệp; đảm bảo thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng, thời gian giải quyết phá sản doanh nghiệp đạt mức trung bình của các nước ASEAN+3. - Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan đề ra các giải pháp để nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm soát các hoạt động tư pháp; bảo vệ lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. - Chủ trì cung cấp thông tin, công khai, hướng dẫn thủ tục, quy trình khởi kiện, thụ lý, giải quyết các vụ việc.
10.14	Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt (%)	Công an tỉnh	>50%	51%	60%	>55%	
10.15	Ti lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua (%)	Công an tỉnh	<17%	19%	11%	<17%	
10.16	CQ công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản (%)	Công an tỉnh	>50%	59%	60%	>60%	Công an tỉnh: - Xây dựng cơ chế xử lý nghiêm các hành vi của cá nhân/tổ chức lợi dụng sự "thông thoáng" của Luật doanh nghiệp để thành lập doanh nghiệp với mục đích mua bán hóa đơn, chứng từ để trục lợi và những hành vi vi phạm pháp luật khác. - Tăng cường công tác an ninh, bảo vệ tài sản doanh nghiệp, triệt phá các băng nhóm côn đồ, xã hội đen, bảo kê để doanh nghiệp yên ổn làm ăn. - Thường xuyên tổ chức đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Công an tỉnh đối với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về thủ tục hành chính và giải quyết hành chính cũng như Hội nghị công an lắng nghe ý kiến của Nhân dân để kịp thời nắm bắt tình hình chi đạo giải quyết bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, doanh nghiệp.
10.17	Phải trả tiền 'bảo kê' cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	Công an tỉnh	<2%	2%	2%	<1,5%	